SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẢNG NAM

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2017-2018
Môn thi : ĐỊA LÍ- LỚP 12
Thời gian làm bài: 40 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi: 701

Câu 1: Thế mạnh về tự nhiên tạo thuận lợi cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là
A. có mùa đông lạnh kéo dài.
B. không chịu nhiều thiên tai .
C. nguồn nước phong phú.
D. Có đất phù sa màu mỡ.

Câu 2: Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết quốc gia nào sau đây có khách du lịch quốc tế đến Việt Nam từ năm 2000 đến 2007 giảm tỉ trọng?
A. Nhật Bản. **B.** Hàn Quốc. **C.** Hoa Kì. **D.** Trung Quốc.

Câu 3: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết Tây Nguyên có đường ranh giới dài nhất với quốc gia (vùng) nào sau đây?
A. Đông Nam Bộ.
B. Lào.
C. Campuchia
D. Nam Trung Bộ.

Câu 4: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết các tỉnh có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản dưới 5% phân bố chủ yếu ở các vùng nào sau đây?
A. Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.
B. Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.
C. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.
D. Đồng bằng sông Hồng và Tây Nguyên.

Câu 5: Với xu hướng hiện nay thì thành phần kinh tế chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở nước ta là
A. khu vực kinh tế Nhà nước.
B. khu vực kinh tế ngoài Nhà nước.
C. khu vực kinh tế tư nhân.
D. khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 6: Đặc điểm của thị trường buôn bán ở nước ta hiện nay là
A. chưa mở rộng quan hệ buôn bán với các nước Tây Âu.
B. chú trọng buôn bán với các nước xã hội chủ nghĩa.
C. mở rộng theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.
D. chưa mở rộng buôn bán với các nước Đông Nam Á.

Câu 7: Cơ cấu lao động phân theo khu vực thành thị và nông thôn ở nước ta có đặc điểm là
A. Tỉ trọng lao động khu vực nông thôn và thành thị đều tăng.
B. Tỉ trọng lao động ở khu vực nông thôn tăng, thành thị giảm.
C. Tỉ trọng lao động ở khu vực nông thôn thấp hơn thành thị.
D. tỉ trọng lao động ở khu vực nông thôn cao hơn thành thị.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không đúng** về ý nghĩa của vấn đề hình thành cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư ở vùng Bắc Trung Bộ ?
A. Tạo điều kiện giao lưu kinh tế với nước Lào.
B. Khai thác thế mạnh sẵn có về nông-lâm –ngư .

C. Tạo nên một nền kinh tế có cơ cấu đa dạng.
D. Cơ sở để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa.

Câu 9: Các cơ sở sản xuất nước mắm của nước ta phân bố nhiều ở Cát Hải, Phan Thiết, Phú Quốc là do
A. nguồn nguyên liệu tại chỗ nhiều.
B. nguồn lao động dồi dào.
C. thị trường tiêu thụ rất rộng lớn.
D. giao thông vận tải phát triển.

Câu 10: Cho bảng số liệu:
Sản lượng than và dầu thô nước ta giai đoạn 2005 – 2012.

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2005	2010	2012
Dầu thô	18,5	15,0	16,7
Than	34,1	44, 8	42,1

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng dầu thô và than của nước ta, giai đoạn 2005 – 2012?
A. Sản lượng dầu thô tăng nhanh hơn than.
B. Sản lượng than tăng còn dầu thô giảm.
C. Sản lượng dầu thô luôn cao hơn than.
D. Sản lượng than tăng nhanh và liên tục.

Câu 11: Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có tỉ trọng công nghiệp và xây dựng cao nhất trong GDP?
A. Đà Nẵng. **B.** Quy Nhơn. **C.** Thanh Hóa. **D.** Vũng Tàu.

Câu 12: Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết tuyến đường quốc lộ 27 của nước ta đi qua các tỉnh, thành phố nào sau đây?
A. Bình Thuận , Lâm Đồng, Đăk Lăk.
B. Ninh Thuận, Lâm Đồng, Gia Lai.
C. Bình Thuận , Lâm Đồng, Đăk Nông.
D. Ninh Thuận, Lâm Đồng, Đăk Nông.

Câu 13: Nhân tố nào sau đây tạo điều kiện thuận lợi nhất để Bắc Trung Bộ nuôi trâu, bò lấy thịt ?
A. Có khí hậu nóng ẩm.
B. Thị trường tiêu thụ lớn.
C. Có vùng đồi trước núi.
D. Lực lượng lao động đông.

Câu 14: Giải pháp chủ yếu để nước ta hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô là
A. đẩy mạnh xuất khẩu hàng lắp ráp, sơ chế.
B. khai thác tối đa thị trường trong nước.
C. đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến.
D. tăng cường nhập khẩu nhiều nguyên liệu.

Câu 15: Mùa khô kéo dài 4- 5 tháng ở Tây Nguyên tạo điều kiện thuận lợi đối với sản xuất là
A. dễ khai thác quặng bôxit.
B. phơi sấy, bảo quản nông sản.
C. nuôi trồng thủy sản.
D. chăn nuôi đại gia súc.

Câu 16:Các tuyến đường ngang 19, 26 tạo sự liên kết giữa Tây Nguyên với các cảng nước sâu có ý nghĩa nào sau đây cho sự phát triển kinh tế của vùng Nam Trung Bộ?
A. Góp phần thúc đẩy kinh tế của vùng phát triển.
B. Tăng cường giao lưu kinh tế với các tỉnh phía Bắc.
C. Thúc đẩy kinh tế, xã hội Tây Nguyên phát triển.
D. Tăng cường giao lưu kinh tế với các tỉnh phía Nam.

Câu 17: Nhận định nào sau đây **không đúng** về ý nghĩa của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Tạo cảnh quan có giá trị du lịch. **B.** Tạo thuận lợi giao thông đường thủy.
C. Tạo điều kiện phát triển công nghiệp. **D.** Góp phần điều tiết lũ và thủy lợi.

Câu 18: Cho biểu đồ về cơ cấu đàn gia súc của vùng kinh tế Tây Nguyên ở năm 2005 và 2014. (đơn vị %)

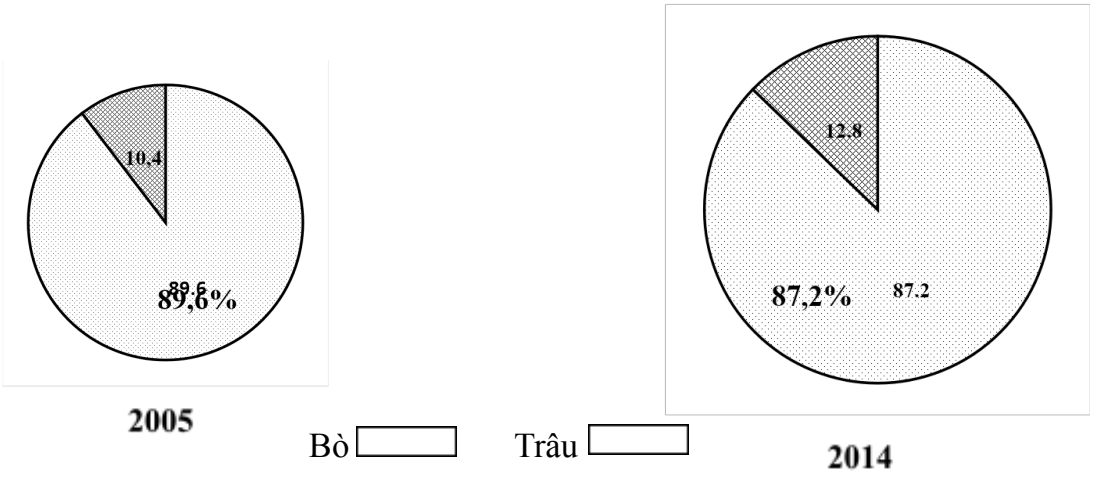

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình chăn nuôi gia súc lớn của Tây Nguyên từ năm 2005 đến 2014?

A. Tỉ trọng đàn bò luôn nhiều hơn trâu. **B.** Tỉ trọng đàn bò tăng còn trâu giảm.
C. Tỉ trọng đàn trâu giảm còn bò tăng. **D.** Tỉ trọng đàn trâu giảm 2,4%.

Câu 19: Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở nước ta trong những năm qua có đặc điểm nào sau đây?

A. Số dân thành thị tăng còn tỉ lệ dân thành thị giảm.
B. Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị đều tăng.
C. Số dân thành thị giảm còn tỉ lệ dân thành thị tăng.
D. Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị đều giảm.

Câu 20: Khó khăn lớn nhất của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trong việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn là

A. địa hình đồi núi hiểm trở. **B.** giao thông vận tải còn hạn chế.
C. kinh nghiệm chăn nuôi không có. **D.** nguồn thức ăn chưa đảm bảo.

Câu 21: Những loại khoáng sản có giá trị ở Đồng bằng sông Hồng là

A. đá vôi, đất sét, cao lanh, than đá.
B. than bùn, cát thủy tinh, khí tự nhiên.
C. đá vôi, đất sét, cao lanh, khí tự nhiên.
D. than nâu, đá vôi, sắt, thiếc, khí tự nhiên.

Câu 22: Trong những năm qua, nội bộ ngành nông nghiệp của nước ta có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nào sau đây?

A. Tỉ trọng ngành trồng trọt giảm, tỉ trọng ngành chăn nuôi tăng.
B. Tỉ trọng ngành trồng trọt tăng, tỉ trọng ngành chăn nuôi giảm.
C. Tỉ trọng ngành trồng trọt và ngành chăn nuôi đều tăng.
D. Tỉ trọng ngành trồng trọt và ngành chăn nuôi đều giảm.

Câu 23: Phát biểu nào sau đây **không đúng** khi nhận định về hoạt động kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ ?

A. Tôm hùm, tôm sú nuôi nhiều ở tỉnh Phú Yên.
B. Nghề cá phát triển ở tất cả các tỉnh của vùng.
C. Dầu khí khai thác ở tất cả các tỉnh của vùng.

D. Phát triển du lịch biển gắn liền với du lịch đảo.

Câu 24: Đặc điểm nào sau đây phản ánh đúng sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp nước ta hiện nay?

A. Giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.

B. Tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.

C. Giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến .

D. Giảm tỉ trọng sản phẩm chất lượng cao.

Câu 25: Cho bảng số liệu:

Số lượt khách quốc tế và khách nội địa của ngành du lịch nước ta giai đoạn 1991-2013

(Đơn vị : triệu lượt khách)

Năm	1991	2000	2005	2013
Khách quốc tế	0,3	2,1	3,5	7,5
Khách nội địa	1,5	11,2	16,0	35,0

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu về số lượt khách du lịch của nước ta trong giai đoạn 1991-2013 theo bảng số liệu trên, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Biểu đồ tròn. **B.** Biểu đồ miền.

C. Biểu đồ cột ghép. **D.** Biểu đồ đường.

Câu 26: Nhận định nào dưới đây **không đúng** với đặc điểm nguồn lao động nước ta?

A. Đội ngũ công nhân kĩ thuật lành nghề còn thiếu.

B. Lực lượng lao động có trình độ cao rất nhiều.

C. Có kinh nghiệm sản xuất trong ngành nông nghiệp.

D. Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên.

Câu 27: Công nghiệp của Bắc Trung Bộ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của vùng chủ yếu là do

A. thiếu nguồn lao động trẻ. **B.** thiên tai thường xuyên xảy ra.

C. cơ sở hạ tầng còn yếu kém. **D.** thiếu tài nguyên thiên nhiên.

Câu 28: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết vùng Trung du miền núi Bắc Bộ giáp với quốc gia và vùng nào sau đây?

A. Tây Nguyên và Campuchia. **B.** Lào và Nam Trung Bộ.

C. Trung Quốc và Bắc Trung Bộ. **D.** Tây Nguyên và Lào.

Câu 29: Thế mạnh về phát triển nông nghiệp của Trung du và miền núi nước ta là

A. cây hàng năm, chăn nuôi lợn. **B.** cây hàng năm, chăn nuôi gia cầm.

C. cây lâu năm, chăn nuôi gia cầm. **D.** cây lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn.

Câu 30: Sự phát triển loại hình giao thông đường ô tô của nước ta **không có** đặc điểm nào sau đây?

A. Giao thông miền núi phát triển mạnh hơn đồng bằng.

B. Mạng lưới đường bộ được mở rộng và hiện đại hóa.

C. Mạng lưới đường ô tô cơ bản phủ kín các vùng.

D. Phương tiện giao thông nâng cao về chất lượng.

----------HẾT ----------

Họ và tên :…….

Số báo danh :…….

Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam, nhà xuất bản Giáo Dục.